

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HS-ST.
Ngày 16/02/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Trọng Khuyến.

- Bà Thạch Thị Yến Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đăng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2024/TLST-HS, ngày 23 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 01 năm 2024 đối với:

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 12/01/1985, nơi sinh tại tỉnh Trà Vinh. Nơi thường trú: Số B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú hiện nay: Khóm A, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1960 và bà Dương Thị Đ, sinh năm 1964; chồng tên Huỳnh Văn T, sinh năm 1970; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2015. Anh, chị, em ruột có 03 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1995. Tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/11/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại: - Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1988. Có mặt.

- Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Lê Minh N, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khóm C, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khóm A, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/8/2023, do có mối quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị Thu V, ngụ khóm I, thị trấn M, huyện C nên bị cáo Nguyễn Thị Hồng M hỏi chị V cho bị cáo bé cháu Nguyễn Phước T2, sinh ngày 12/8/2022 (con ruột chị V) đến nhà mẹ ruột của bị cáo là bà Dương Thị Đ, cách nhà chị V khoảng 70 mét để chơi thì được chị V đồng ý, sau đó bị cáo bé cháu T2 đến nhà bà Đ, khi đi cháu T2 có đeo một sợi dây chuyền, loại vàng 18K, trọng lượng 1,363 chỉ (do chị V mua đeo trên cổ cháu T2).

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo bé cháu T2 giao trả lại cho gia đình chị V trông coi, lúc này bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền đeo trên cổ cháu T2. Bị cáo bé cháu T2 từ nhà bà Đ đi về nhà chị V, khi đi được một đoạn bị cáo dừng lại mở móc khoá sợi dây chuyền đang đeo trên cổ cháu T2 ra trước, rồi tiếp tục bé cháu T2 về đến nhà chị V. Đến nhà chị V, bị cáo gặp anh Nguyễn Văn P là chồng chị V đang nằm trên võng, còn cháu Nguyễn Ngọc Tường V1, sinh năm 2012 (con chị V) và cháu Huỳnh Nguyễn Minh V2, sinh năm 2013 (con bị cáo) đang ngồi trong phòng bấm điện thoại. Quan sát thấy không ai chú ý, bị cáo đặt cháu T2 xuống nền gạch trong phòng rồi lúc dùng tay phải rút trộm sợi dây chuyền vàng trên cổ cháu T2 bỏ vào túi quần phía trước bên phải của bị cáo đang mặc rồi nhanh chóng rời khỏi nhà chị V.

Sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo quay trở lại nhà bà Đ thì gặp anh Nguyễn Văn T1, ngụ khóm I, thị trấn M, huyện C đang ở nhà bà Đ, bị cáo hỏi mượn xe mô tô của anh T1 đi bán sợi dây chuyền, bị cáo điều khiển xe chạy đến tiệm V3 ngụ khóm M, thị trấn C do anh Lê Minh N, sinh năm 1990 làm chủ, bán sợi dây chuyền được 4.855.000 đồng, có được tiền bị cáo trả nợ cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, chị V đến Công an thị trấn M trình báo sự việc. Quá trình làm việc, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, Cơ quan điều tra đã thu hồi được sợi dây chuyền do bị cáo đã bán cho tiệm V3 để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định số 6256/KL-KTHS ngày 10/10/2023 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Sợi dây chuyền kim loại

màu vàng, khối lượng: 5,1120 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (A): 61,79%; Bạc (Ag): 10,41%; Đ1 (Cu): 18,82%, K (Z): 8,98%.

Bản Kết luận định giá tài sản số 41/KL.HĐĐG ngày 20/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tô tụng hình sự huyện C kết luận: Sợi dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng: 5,1120 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (A): 61,79%; Bạc (Ag): 10,41%; Đ1 (Cu): 18,82%, K (Z): 8,98% tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 4.906.000 Đồng (Bốn triệu chín trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Ngày 03/11/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng M về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

- Đối với anh Lê Minh N – chủ tiệm V3 có mua sợi dây chuyền vàng từ bị cáo, khi mua tài sản anh N không biết sợi dây chuyền này do bị cáo trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý. Quá trình làm việc, anh N đã giao nộp lại sợi dây chuyền cho Cơ quan điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với anh Nguyễn Văn T1 cho bị cáo mượn xe mô tô để làm phương tiện đi bán sợi dây chuyền do bị cáo trộm cắp mà có, khi mượn xe bị cáo không nói mục đích mượn xe để làm gì nên anh T1 hoàn toàn không biết nên không xem xét xử lý. Sau khi bán được tài sản trộm cắp, bị cáo đã trả lại xe mô tô cho anh T1.

Vật chứng của vụ án:

- Một sợi dây chuyền kim loại màu vàng, trọng lượng 5,1120 gam, tạm giữ từ anh Lê Minh N – chủ tiệm V3. Qua điều tra xác định sợi dây kim loại màu vàng là vàng 18K, trọng lượng 1,363 chỉ là tài sản của chị V đeo trên người cháu T2, do bị cáo chiếm đoạt đem bán cho anh N, Cơ quan điều tra đã trả lại sợi dây chuyền vàng này cho chị V nhận xong.

- Tiền Việt Nam 4.855.000 đồng do bà Dương Thị Đ cho bị cáo, bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra để bồi thường cho anh Lê Minh N – chủ tiệm V3 (tiền mua sợi dây chuyền vàng) xong.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại chị Nguyễn Thị Thu V đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- Anh Lê Minh N đã nhận lại số tiền 4.855.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Bà Dương Thị Đ có tặng cho bị cáo 4.855.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, nay bà Đ không yêu cầu bị cáo trả lại.

Tại bản Cáo trạng số: 11/CT-VKS-HS, ngày 22/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Hồng M khai nhận: Do quen biết với chị Nguyễn Thị Thu V, vào khoảng 14 giờ ngày 10/8/2023 tại khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo lợi dụng trong lúc bế cháu Nguyễn Phước T2, sinh

năm 2022 là con ruột của chị V, bị cáo đã lên lúc tháo trộm sợi dây chuyền vàng trị giá 4.906.000 đồng của chị V đang đeo trên cổ của cháu T2 đem bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Bị cáo thống nhất bản Kết luận định giá tài sản số 41/KL.HĐĐG ngày 20/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Sợi dây chuyền tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 4.906.000 đồng.

Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo thống nhất nội dung bản Cáo trạng, không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng, mà hoàn toàn thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bị hại Bà Nguyễn Thị Thu V và anh Nguyễn Văn P cùng trình bày: Cháu Nguyễn Phước T2, sinh năm 2022 là con ruột của anh chị, vào khoảng 14 giờ ngày 10/8/2023 bị cáo trong lúc bế cháu T2, đã lấy trộm sợi dây chuyền, loại vàng 18K, trọng lượng 1,363 chỉ đang đeo trên cổ cháu T2, trị giá 4.906.000 đồng, sau đó chị V đi đến Công an thị trấn M trình báo sự việc, Công an đã thu hồi sợi dây chuyền vàng 18K trả cho anh chị nhận lại xong. Về trách nhiệm hình sự anh chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về trách nhiệm dân sự anh chị không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Nguyễn Văn Đ2 đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng M phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng M từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại sợi dây chuyền bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng M nói lời sau cùng: Bị cáo không trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Hồng M khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/8/2023, do có mối quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị Thu V, ngụ khóm I, thị trấn M, huyện C nên bị cáo Nguyễn Thị Hồng M hỏi chị V cho bị cáo bế cháu Nguyễn Phước T2, sinh ngày 12/8/2022 (con ruột chị V) đến nhà mẹ ruột của bị cáo là bà Dương Thị Đ, cách nhà chị V khoảng 70 mét để chơi thì được chị V đồng ý, sau đó bị cáo bế cháu T2 đến nhà bà Đ, khi đi cháu T2 có đeo một sợi dây chuyền, loại vàng 18K, trọng lượng 1,363 chỉ (do chị V mua đeo trên cổ cháu T2).

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo bế cháu T2 giao trả lại cho gia đình chị V trông coi, lúc này bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền đeo trên cổ cháu T2. Bị cáo bế cháu T2 từ nhà bà Đ đi về nhà chị V, khi đi được một đoạn bị cáo dừng lại mở móc khoá sợi dây chuyền đang đeo trên cổ cháu T2 ra trước, rồi tiếp tục bế cháu T2 về đến nhà chị V. Đến nhà chị V, bị cáo gặp anh Nguyễn Văn P là chồng chị V đang nằm trên võng, còn cháu Nguyễn Ngọc Tường V1, sinh năm 2012 (con chị V) và cháu Huỳnh Nguyễn Minh V2, sinh năm 2013 (con bị cáo) đang ngồi trong phòng bấm điện thoại. Quan sát thấy không ai chú ý, bị cáo đặt cháu T2 xuống nền gạch trong phòng rồi lén lúc dùng tay phải rút trộm sợi dây chuyền vàng trên cổ cháu T2 bỏ vào túi quần phía trước bên phải của bị cáo đang mặc rồi nhanh chóng rời khỏi nhà chị V.

Sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo quay trở lại nhà bà Đ thì gặp anh Nguyễn Văn T1, ngụ khóm I, thị trấn M, huyện C đang ở nhà bà Đ, bị cáo hỏi mượn xe mô tô của anh T1 đi bán sợi dây chuyền, bị cáo điều khiển xe chạy đến tiệm V3 ngụ khóm M, thị trấn C do anh Lê Minh N, sinh năm 1990 làm chủ, bán sợi dây chuyền được 4.855.000 đồng, có được tiền bị cáo trả nợ cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, chị V đến Công an thị trấn M trình báo sự việc. Quá trình làm việc, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, Cơ quan điều tra đã thu hồi được sợi dây chuyền do bị cáo đã bán cho tiệm V3 để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định số 6256/KL-KTHS ngày 10/10/2023 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Sợi dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng: 5,1120 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (A): 61,79%; Bạc (Ag): 10,41%; Đ1 (Cu): 18,82%, K (Z): 8,98%.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 41/KL.HĐĐG ngày 20/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Sợi dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng: 5,1120 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (A): 61,79%; Bạc (Ag): 10,41%; Đ1 (Cu): 18,82%, K (Z): 8,98% tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 4.906.000 Đồng (Bốn triệu chín trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hồng M phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động, tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, do thiếu nợ không có nguồn chi trả, bị cáo lợi dụng trong lúc bế cháu Nguyễn Phước T2, sinh năm 2022 là con ruột của chị V, anh P đã lấy trộm sợi dây chuyền, loại vàng 18K, trọng lượng 1,363 chỉ đang đeo trên cổ cháu T2, trị giá 4.906.000 đồng, từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả xong; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bị cáo trộm cắp sợi dây chuyền loại vàng 18K, trọng lượng 1,363 chỉ nhằm mục đích bán để lấy tiền trả nợ cá nhân là hành vi đáng lên án, gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây ra dư luận không tốt trong đời sống xã hội, qua đó thể hiện bị cáo xem thường pháp luật và tài sản của người khác, hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm để phòng ngừa chung.

Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật, từ trước đến nay không vi phạm, trong thời gian thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo chấp hành tốt việc cam đoan, không vi phạm, hiện tại chồng bị cáo đi làm nghề biển hơn 02 tháng mới về nhà 01 lần, bị cáo phải chăm sóc nuôi dạy 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2015, hoàn cảnh gia đình khó khăn...Xét thấy việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không ảnh hưởng gì đến nguy hại cho xã hội. Để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện cho bị cáo làm lại cuộc đời, Hội đồng xét xử quyết định

không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng M cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C nơi bị cáo cư trú để theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Thu V trình bày đã nhận sợi dây chuyền bị mất trộm, nay không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng M có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và án phí hình sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng M 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án ngày 16/02/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng M cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Hồng M vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng M nộp 200.000 đồng án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm